

HOSE

07/03/2014

VNINDEX 579.75 1.19 0.21%

 KLGD 157,003,150 CP
 GTGD 2,231.22 Tỷ
 GTR NDTNN - 67.00 Tỷ

 CP Tăng giá 150 CP
 CP Giảm giá 89 CP
 CP Đứng giá 65 CP


Tâm điểm

- ▶ **Tăng điểm nhẹ với thanh khoản được cải thiện dần**
- ▶ **Thanh khoản thị trường gia tăng nhẹ trở lại**
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 3,100 tỷ đồng.
- ▶ **Việt Nam thuộc top 5 nước xuất khẩu tôm lớn nhất vào Mỹ**
Việt Nam xuất khẩu 59.534 tấn tôm sang Mỹ năm 2013
Cafef
- ▶ **ANZ hạ dự báo lạm phát của Việt Nam xuống còn 7 -7.5%**
Tổ chức này đã hạ dự báo từ 7.5%-8% trong báo cáo lần trước
Thời báo ngân hàng
- ▶ **Doanh nghiệp ngành thép giữa ngã ba đường**
Ngành đang đối mặt với thực trạng mất cung-cầu
Người đồng hành
- ▶ **FLC: Tập đoàn Nhật muốn trở thành cổ đông của FLC**
Việc xây dựng nhà máy chế biến thực phẩm sẽ được triển khai Q2/2014
Cafef
- ▶ **API: Đạt mục tiêu tăng đột biến doanh thu**
Doanh thu đề ra 375.5 tỷ đồng (năm ngoài đạt 54.1 tỷ)
ĐTCK

HNX

07/3/2014

HNXINDEX 82.16 0.36 0.44%

 KLGD 87,665,777 CP
 GTGD 812.77 Tỷ
 GTR NDTNN - 8.00 Tỷ

 CP Tăng giá 154 CP
 CP Giảm giá 78 CP
 CP Đứng giá 147 CP


VN30 & HNX30 INDEX

 VN30 651.46 2.84 0.44%
 HNX30 164.24 1.17 0.72%

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
--	--------------	-----	-----	-----	-----

Theo thị trường

HOSE	1,020,112	13.9	3.0	22.3%	11.3%
HNX	128,773	20.2	1.6	9.0%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,148,885	14.8	2.9	21.3%	10.6%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	8,244	7.1	1.0	16.0%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	23,504	7.8	1.8	24.5%	18.2%
Thép và sản phẩm thép	33,421	17.2	1.9	17.7%	7.1%
Khai khoáng	12,488	45.7	4.9	3.8%	2.9%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,280	20.0	1.4	15.3%	9.0%
Xây dựng	31,666	50.2	1.2	2.5%	1.6%
Máy công nghiệp	9,376	9.2	1.5	21.5%	12.9%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,958	13.1	1.6	16.9%	12.3%
Lốp xe	7,063	8.8	2.4	30.2%	13.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	13,567	13.3	1.2	11.9%	5.7%
Thực phẩm	211,278	23.6	5.5	24.3%	18.2%
Dược phẩm	16,052	12.9	3.3	26.5%	17.1%
Phần mềm	17,491	10.8	2.3	23.7%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	23,186	7.7	1.3	19.1%	9.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	164,972	12.6	4.6	39.9%	25.2%
Bảo hiểm nhân thọ	31,506	28.8	2.6	9.0%	2.2%
Môi giới chứng khoán	23,370	21.8	1.4	7.4%	5.3%
Ngân hàng	261,235	11.7	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản	147,461	15.2	2.7	26.1%	6.3%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,750	9.4	1.9	21.3%	8.2%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

 306 Ba Trieu
 Hai Ba Trung
 Hanoi
 Vietnam
 Tel: (844) 3974 7952
 Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen
sacnq@vietinbanksc.com.vn

Việt Nam thuộc top 5 nước xuất khẩu tôm lớn nhất vào Mỹ

ANZ hạ dự báo lạm phát của Việt Nam xuống còn 7 -7.5%

Doanh nghiệp ngành thép giữa ngã ba đường

Sac Q. Nguyen
sacnq@vietinbanksc.com.vn

FLC: Tập đoàn Nhật muốn trở thành cổ đông của FLC

API: Đặt mục tiêu tăng đột biến doanh thu

HHC: Đặt kế hoạch lợi nhuận 33 tỷ năm 2014

► Tin kinh tế

Theo số liệu của Cục Hải quan Mỹ cho thấy, Việt Nam xuất khẩu được 59.534 tấn tôm sang Mỹ trong năm 2013, tăng 46% so với năm 2012. Với khối lượng xuất khẩu này, Việt Nam chiếm 11,7% thị phần nhập khẩu tôm của Mỹ năm 2013 và đứng vị trí thứ 5 trong số các quốc gia xuất khẩu tôm nhiều nhất vào Mỹ, bằng với vị trí của năm trước đó.

Trong báo cáo triển vọng KTVM vừa cập nhật, Ngân hàng ANZ giữ nguyên mức dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam so với báo cáo trước đây ở mức 5,6% và 5,8% lần lượt cho các năm 2014 và 2015 vì nhiều yếu tố tiếp tục cải thiện dù còn chậm chạp.

Tuy nhiên, tổ chức này đã hạ mức dự báo lạm phát từ 7,5-8% trong báo cáo lần trước xuống mức 7-7,5% cho năm nay, một phần do sức cầu trong nước vẫn yếu. Trong dự báo lần này, ANZ giữ nguyên dự báo lãi suất tái cấp vốn ở mức 7% trong năm nay

Mất cân đối cung – cầu: Số liệu thống kê của Bộ Xây dựng cho thấy, trong tháng 1, do tiêu thụ chậm nên các DN thép chỉ sản xuất 319.975 tấn, giảm 29,14% so với tháng trước và giảm 5,26% so với cùng kỳ. Một số nhà máy thép đã nghỉ sản xuất để tiết kiệm chi phí. Tính đến ngày 31-1, lượng thép xây dựng tồn kho ở các DN lên tới 436.748 tấn, con số này khá cao so với dự định ban đầu. Tháng 2, tình hình chưa có gì thay đổi, các đơn vị ngành thép vẫn tiếp tục gặp khó, thậm chí đầu ra còn kém hơn tháng đầu năm.

► Tin doanh nghiệp

Theo thỏa thuận giữa FLC và Shinshu Ham, việc xây dựng nhà máy chế biến thực phẩm sẽ được triển khai trong quý II/2014, và FLC sẽ hỗ trợ các thủ tục pháp lý cần thiết giúp đối tác Nhật Bản.

Ông Yukio Nakamura, Chủ tịch Shinshu Ham cho rằng tiềm năng, thế mạnh và các điều kiện về hạ tầng, giao thông, vị trí địa lý của khu công nghiệp FLC rộng 400 ha mà FLC đang sở hữu là cần thiết và phù hợp với việc triển khai nhà máy chế biến thực phẩm của tập đoàn này.

Theo CTCP Đầu tư châu Á - Thái Bình Dương (API) ngày 22/3 tới, Công ty sẽ triệu tập ĐHCĐ thường niên năm 2014, để thông qua kế hoạch kinh doanh đề ra cho năm nay là hơn 375,5 tỷ đồng doanh thu (năm ngoái đạt 54,1 tỷ đồng), lợi nhuận trước thuế 82,9 tỷ đồng.

Theo mục tiêu mà API đề ra, Dự án Khu công nghiệp Diềm Thụy (Thái Nguyên) sẽ đóng góp tỷ trọng doanh thu lớn nhất trong năm 2014 với 200 tỷ đồng, tiếp đến là Dự án khu dân cư số 5 Túc Duyên (Thái Nguyên) 98 tỷ đồng, Dự án đô thị An Vân Dương (Thành phố Huế) 30 tỷ đồng... Riêng doanh thu hoạt động tài chính là 12,5 tỷ đồng.

Ông Trần Hồng Thanh, Tổng giám đốc CTCP Bánh kẹo Hải Hà (HHC) cho biết, dự kiến ngày 29/3 tới, Công ty sẽ tổ chức ĐHCĐ. HHC sẽ trình đại hội kế hoạch kinh doanh với doanh thu 800 tỷ đồng và lợi nhuận 33 tỷ đồng.

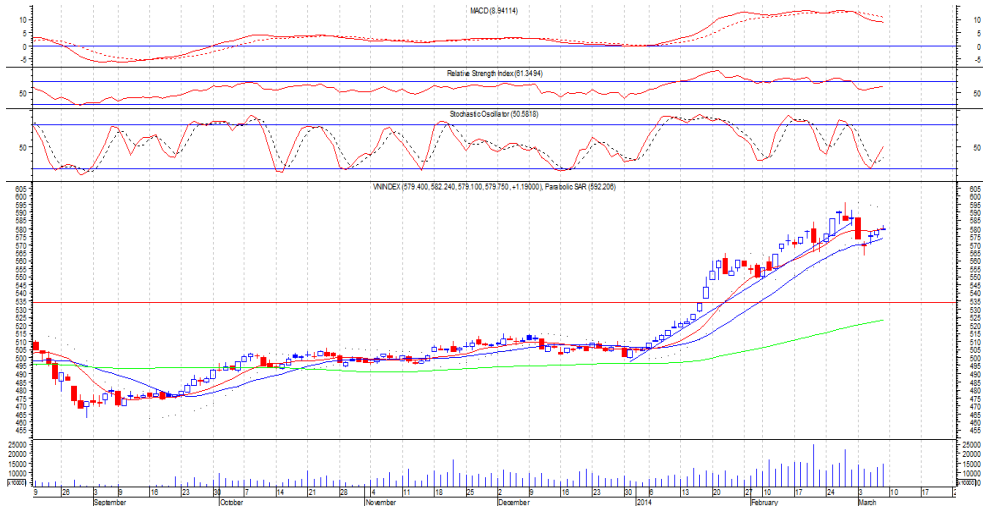
Trong đó, tính đến hết 2 tháng đầu năm, HHC đã đạt lợi nhuận khoảng 7 tỷ đồng. Ông Thanh cho biết, năm 2014, Công ty vẫn tiếp tục tập trung vào một số sản phẩm chủ lực là kẹo, bánh; đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới, phù hợp hơn với nhu cầu của người tiêu dùng.

HOSE 07/03/2014 VNINDEX 579.75 1.19 0.21% 157,003,150 CP 2,231.22 bil VND

Tăng điểm nhẹ với thanh khoản cải thiện dần

VN-Index tăng 1.19 điểm (+0.21%), đóng cửa tại mức 579.75 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, tăng điểm, thân nến ngắn, cây nến gần giống với nền Doji thể hiện sự giằng co của chỉ số VN-Index.

- Tín hiệu MACD Histogram tiếp tục đi xuống tăng khả năng cắt đường zero - base.
- Stochastic Oscillator gia tăng mạnh trở lại.
- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 61.
- DI+, DI- gia tăng độ rộng trở lại.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	0.3 (3.8%)	15,465,810
FLC	0.6 (4.7%)	10,399,960
TDC	0.8 (6.5%)	5,906,270
HQC	0.2 (2.4%)	5,745,420
DLG	0.4 (6.8%)	5,724,070

HOSE Top 5 theo % tăng

NKG	0.8 (6.9%)	557,060
VST	0.2 (6.9%)	461,270
TTF	0.7 (6.8%)	2,957,100
DLG	0.4 (6.8%)	5,724,070
FDC	2 (6.7%)	322,310

HOSE Top 5 theo % giảm

CCI	-1.1 (-8.1%)	150
GTT	-0.9 (-6.5%)	15,600
PIT	-0.5 (-6.5%)	7,020
GIL	-2 (-6.3%)	550
BT6	-0.6 (-6.3%)	25,490

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

EIB	10,2 tỷ	738,810
GAS	8,3 tỷ	99,000
STB	6,3 tỷ	304,300
DIG	5,7 tỷ	323,460
GMD	4,9 tỷ	138,840

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

KBC	-58,1 tỷ	4,555,780
HAG	-21,4 tỷ	804,380
ITA	-20,5 tỷ	2,529,750
CTG	-6,7 tỷ	397,640
VSH	-3,4 tỷ	215,100

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-6,673,480	- 67.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Dòng tiền tiếp tục phân hóa trong phiên hôm nay, nhiều cổ phiếu vốn hóa nhỏ vẫn đạt mức tăng ấn tượng. Nhưng VN-Index chưa tạo được sự bứt phá.
- ▶ Khối lượng gia tăng nhẹ và đạt 145 triệu đơn vị khớp lệnh. Tương đương với bình quân 20P. Tâm lý NĐT đang dần cải thiện hơn.
- ▶ Chúng tôi cho rằng thị trường nhiều khả năng sẽ giao dịch cân bằng tích lũy ở vùng giá này một thời gian. Đà điều chỉnh nếu có sẽ không quá sâu.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục bán ròng phiên hôm nay. Lực bán ròng có thể sẽ còn xuất hiện nhiều trong thời gian tới, vì vậy điều này sẽ tác động xấu tới TT chung.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào tích lũy dần các mã đã điều chỉnh gđ vừa rồi và có yếu tố cơ bản tốt. Tránh mua đuổi giá nếu TK chưa tạo được sự đột biến.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	83.5	158,232.50	12.8	4.7	40.8%	25.9%
VNM	833.5	139.0	115,851.92	17.7	6.6	39.6%	30.7%
MSN	734.9	97.0	71,286.40	160.3	4.8	3.0%	1.0%
VCB	2,317.4	29.9	69,290.77	16.0	1.6	10.3%	1.0%
VIC	909.6	75.0	68,216.96	10.1	3.8	47.7%	10.3%
CTG	3,723.4	17.0	63,297.88	9.3	1.2	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	16.6	46,665.96	10.7	1.4	13.7%	0.8%
BVH	680.5	46.5	31,641.92	28.8	2.6	9.0%	2.2%
STB	1,142.5	20.8	23,764.24	10.2	1.4	14.5%	1.4%
PVD	275.3	78.0	21,470.13	10.6	2.2	22.3%	9.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

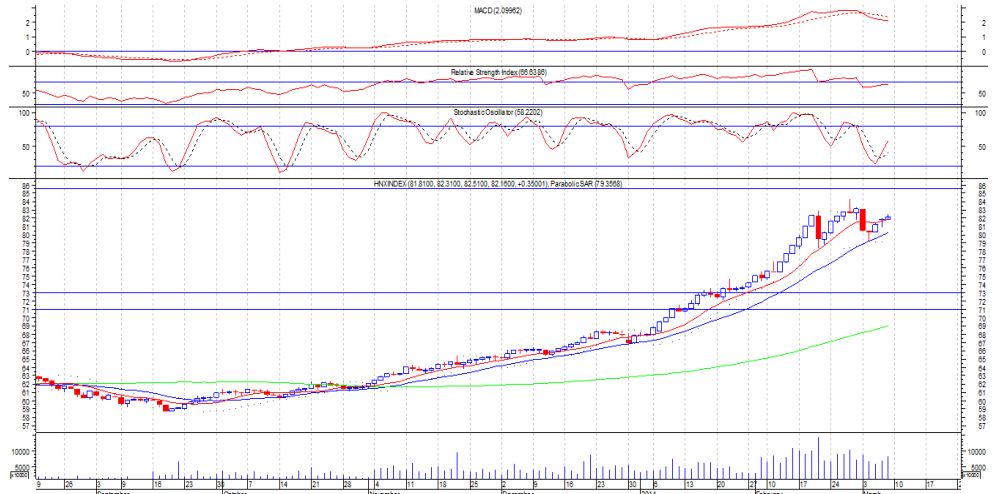
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	15.0	3,489.00	14.7	1.2	NA	TH.DOI
PPC	318.2	24.4	7,762.97	4.8	1.4	NA	TH.DOI
PHR	78.5	31.5	2,472.44	6.4	1.1	NA	TH.DOI
BMP	45.5	75.5	3,433.63	9.3	2.3	NA	TH.DOI
VSC	28.6	69.5	1,990.90	8.0	2.2	NA	TH.DOI
DPM	379.9	43.6	16,565.13	7.5	1.8	NA	TH.DOI

HNX 07/03/2014 HNX-Index 82.16 0.36 0.44% 87,665,777 CP 812.77 bil. VND

Tăng điểm nhẹ với thanh khoản cải thiện dần

Chỉ số HNX-Index tăng 0.36 điểm (+0.44%), đóng cửa tại mốc 82.16 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến ngắn, tăng điểm nhẹ và vẫn thể hiện sự giằng co mạnh của chỉ số này.

- MA10, MA20 tăng nhẹ trở lại. Đường giá đã duy trì trên 2 đường MA10 và MA20. Đây là chỉ báo khá quan trọng.
- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng khá mạnh.
- MACD tiếp tục đi xuống khá mạnh tăng khả năng cắt đường zero - base.
- RSI (14) giảm đà rơi, tăng nhẹ lên mốc 66.



HNX Top 5 theo KLGD

SHB	0 (0.0%)	10,682,870
KLS	0.2 (1.7%)	8,690,130
PVX	0.1 (2.2%)	7,292,570
SHS	0.2 (2.7%)	4,046,410
SCR	0.1 (1.1%)	3,928,660

HNX Top 5 theo % tăng

DC2	0.5 (10.0%)	27,100
ICG	0.9 (10.0%)	1,165,110
PDC	0.5 (10.0%)	281,900
SDY	0.3 (10.0%)	27,000
NFC	3.6 (9.9%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

BED	-1.3 (-10.0%)	1,300
PSG	-0.2 (-10.0%)	527,430
VCM	-1.4 (-10.0%)	700
HBE	-1 (-9.9%)	200
MHL	-0.9 (-9.9%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

VND	2,9 tỷ	180,983
SĐT	0,9 tỷ	52,000
PVC	0,2 tỷ	15,000
THB	0,1 tỷ	5,200
EID	0,1 tỷ	9,200

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

SHB	-7,1 tỷ	771,300
PVS	-1,8 tỷ	66,800
VCG	-1,7 tỷ	111,400
PLC	-0,6 tỷ	28,500
PGS	-0,5 tỷ	15,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-793,217	8.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Dòng tiền tiếp tục phân hóa trong phiên hôm nay, nhiều cổ phiếu vốn hóa nhỏ vẫn đạt mức tăng ấn tượng. Nhưng HNX-Index chưa tạo được sự bứt phá.
- ▶ Khối lượng gia tăng nhẹ và đạt 85 triệu đơn vị khớp lệnh. Tương đương với bình quân 20P. Tâm lý NĐT đang dần cải thiện hơn.
- ▶ Chúng tôi cho rằng thị trường nhiều khả năng sẽ giao dịch cân bằng tích lũy ở vùng giá này một thời gian. Đà điều chỉnh nếu có sẽ không quá sâu.
- ▶ Khối ngoại bán ròng nhẹ phiên hôm nay. Lực bán ròng có thể sẽ còn xuất hiện nhiều trong thời gian tới, vì vậy điều này sẽ tác động xấu tới TT chung.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào tích lũy dần các mã đã điều chỉnh gđ vừa rồi và có yếu tố cơ bản tốt. Tránh mua đuổi giá nếu TK chưa tạo được sự đột biến.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	16.6	15,297.16	18.7	1.2	6.6%	0.5%
PVS	446.7	27.6	12,328.93	7.8	1.5	21.0%	6.7%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	415.6	6.4	-1.5%	-1.2%
SHB	886.1	9.3	8,240.58	10.9	0.8	7.6%	0.6%
VCG	441.7	15.1	6,669.83	12.2	1.2	10.1%	2.1%
OCH	200.0	31.3	6,260.00	34.0	2.9	8.1%	3.6%
PVI	225.4	18.8	4,237.79	13.0	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	47.0	3,658.10	7.9	2.5	34.3%	16.1%
NTP	43.3	68.4	2,964.32	10.0	2.4	24.8%	16.7%
VNR	100.8	26.6	2,682.02	9.1	1.1	12.7%	6.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.2	1,375.60	7.6	1.5	NA	TH.DOI
AAA	19.8	24.3	481.14	8.8	0.9	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.8	1,531.60	12.3	1.2	NA	TH.DOI
NTP	43.3	68.4	2,964.32	10.0	2.4	NA	TH.DOI
LHC	2.0	68.0	136.00	3.2	1.2	NA	TH.DOI
DXP	7.9	51.0	401.62	7.4	1.7	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	71,286.40	15.35%	97.0	160.30	4.82	334,810	287,102	293,029
VIC	HOSE	909.6	68,216.96	14.46%	75.0	10.10	3.82	203,268	222,887	224,519
HPG	HOSE	419.1	20,365.95	11.74%	48.6	10.51	2.16	583,742	539,214	539,857
PVD	HOSE	275.3	21,470.13	8.68%	78.0	10.57	2.19	407,806	371,987	388,948
DPM	HOSE	379.9	16,565.13	8.01%	43.6	7.48	1.78	690,453	812,913	628,936
HAG	HOSE	718.2	19,031.10	7.98%	26.5	19.61	1.50	5,874,784	6,204,089	3,581,722
VCB	HOSE	2,317.4	69,290.77	6.11%	29.9	15.98	1.61	1,014,144	921,359	966,324
STB	HOSE	1,142.5	23,764.24	4.13%	20.8	10.16	1.35	1,406,226	984,659	584,334
BVH	HOSE	680.5	31,641.92	3.08%	46.5	28.75	2.60	373,479	442,235	465,070
ITA	HOSE	718.1	5,888.21	2.71%	8.2	107.44	0.73	8,920,957	9,668,182	7,358,289
HSG	HOSE	96.3	5,586.16	2.68%	58.0	10.23	2.46	457,778	383,463	353,125
GMD	HOSE	114.4	4,016.20	2.26%	35.1	29.11	0.91	330,166	488,973	498,920
PPC	HOSE	318.2	7,762.97	2.03%	24.4	4.76	1.44	954,748	1,228,360	1,363,304
VSH	HOSE	206.2	3,237.99	1.74%	15.7	15.82	1.22	642,601	1,022,483	1,069,122
CSM	HOSE	67.3	2,806.08	1.64%	41.7	7.80	2.31	672,891	776,794	723,434
KBC	HOSE	289.8	3,795.86	1.48%	13.1	54.55	0.93	1,561,530	1,770,134	1,249,145
DRC	HOSE	83.1	3,688.48	1.33%	44.4	9.89	2.69	373,287	470,127	370,983
PVT	HOSE	232.6	3,489.00	1.18%	15.0	14.72	1.23	2,929,039	3,348,568	2,586,442
DIG	HOSE	143.0	2,502.42	1.01%	17.5	53.45	1.03	858,167	1,211,200	942,574
OGC	HOSE	300.0	3,720.00	0.91%	12.4	34.91	1.13	3,159,594	3,229,634	2,269,535
PET	HOSE	69.8	1,508.59	0.87%	21.6	9.66	1.25	891,225	1,249,927	832,179

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	12,328.93	8.04%	27.6	7.82	1.52	1,828,989	2,333,015	2,063,938
VIC	HOSE	909.6	68,216.96	7.80%	75.0	10.10	3.82	203,268	222,887	224,519
VCB	HOSE	2,317.4	69,290.77	7.65%	29.9	15.98	1.61	1,014,144	921,359	966,324
BVH	HOSE	680.5	31,641.92	7.23%	46.5	28.75	2.60	373,479	442,235	465,070
DPM	HOSE	379.9	16,565.13	6.97%	43.6	7.48	1.78	690,453	812,913	628,936
STB	HOSE	1,142.5	23,764.24	5.98%	20.8	10.16	1.35	1,406,226	984,659	584,334
PVD	HOSE	275.3	21,470.13	5.04%	78.0	10.57	2.19	407,806	371,987	388,948
ITA	HOSE	718.1	5,888.21	3.72%	8.2	107.44	0.73	8,920,957	9,668,182	7,358,289
SHB	HNX	886.1	8,240.58	3.47%	9.3	10.89	0.80	10,700,819	11,437,750	6,433,503
PPC	HOSE	318.2	7,762.97	3.38%	24.4	4.76	1.44	954,748	1,228,360	1,363,304
OGC	HOSE	300.0	3,720.00	2.85%	12.4	34.91	1.13	3,159,594	3,229,634	2,269,535
GMD	HOSE	114.4	4,016.20	2.66%	35.1	29.11	0.91	330,166	488,973	498,920
HPG	HOSE	419.1	20,365.95	2.60%	48.6	10.51	2.16	583,742	539,214	539,857
HAG	HOSE	718.2	19,031.10	2.25%	26.5	19.61	1.50	5,874,784	6,204,089	3,581,722
DRC	HOSE	83.1	3,688.48	1.93%	44.4	9.89	2.69	373,287	470,127	370,983
VCG	HNX	441.7	6,669.83	1.85%	15.1	12.24	1.18	5,291,287	5,447,531	3,254,473
PVX	HNX	400.0	1,840.00	0.00%	4.6	- 0.85	2.23	12,159,891	13,121,831	8,826,717

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	909.6	68,216.96	0.00%	75.0	10.10	3.82	203,268	222,887	224,519
MSN	HOSE	734.9	71,286.40	0.00%	97.0	160.30	4.82	334,810	287,102	293,029
DPM	HOSE	379.9	16,565.13	0.00%	43.6	7.48	1.78	690,453	812,913	628,936
HAG	HOSE	718.2	19,031.10	0.00%	26.5	19.61	1.50	5,874,784	6,204,089	3,581,722
VCB	HOSE	2,317.4	69,290.77	0.00%	29.9	15.98	1.61	1,014,144	921,359	966,324
STB	HOSE	1,142.5	23,764.24	0.00%	20.8	10.16	1.35	1,406,226	984,659	584,334
BVH	HOSE	680.5	31,641.92	0.00%	46.5	28.75	2.60	373,479	442,235	465,070
CTG	HOSE	3,723.4	63,297.88	0.00%	17.0	9.29	1.16	1,677,883	1,516,704	971,493
GAS	HOSE	1,895.0	158,232.50	0.00%	83.5	12.78	4.73	359,127	433,325	445,586

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Royal Bank of Scotland
MSCI Frontier Markets Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

19/09/2011
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

9/142
22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	71,286.40	0.81%	97.0	160.30	4.82	334,810	287,102	293,029
VIC	HOSE	909.6	68,216.96	0.55%	75.0	10.10	3.82	203,268	222,887	224,519
DPM	HOSE	379.9	16,565.13	0.26%	43.6	7.48	1.78	690,453	812,913	628,936
VCB	HOSE	2,317.4	69,290.77	0.20%	29.9	15.98	1.61	1,014,144	921,359	966,324
STB	HOSE	1,142.5	23,764.24	0.14%	20.8	10.16	1.35	1,406,226	984,659	584,334
BVH	HOSE	680.5	31,641.92	0.10%	46.5	28.75	2.60	373,479	442,235	465,070

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI Frontier 100 Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

12/09/2012
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

6/102
519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI VN Investable Market Indx

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

01/12/2010

SLCKVN
TGTTSQL

4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,244	7.1	1.0	16.0%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	23,504	7.8	1.8	24.5%	18.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,599	23.7	0.7	2.4%	1.7%
Sản xuất giấy	763	8.4	0.8	10.5%	5.2%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	33,421	17.2	1.9	17.7%	7.1%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,095	5.2	0.9	17.3%	3.9%
Khai khoáng	12,488	45.7	4.9	3.8%	2.9%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,280	20.0	1.4	15.3%	9.0%
Xây dựng	31,666	50.2	1.2	2.5%	1.6%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,434	8.1	1.2	18.6%	9.9%
Công nghiệp phức hợp	482	5.2	1.0	20.3%	14.2%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,738	10.6	1.0	8.5%	4.5%
Thiết bị điện	1,539	12.1	0.6	-0.8%	-1.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	41	23.4	0.6	2.4%	1.6%
Máy công nghiệp	9,376	9.2	1.5	21.5%	12.9%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,897	3.3	0.9	10.0%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,958	13.1	1.6	16.9%	12.3%
Dịch vụ vận tải	5,184	10.2	1.4	16.0%	10.0%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,011	10.2	1.2	12.4%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	253	60.2	0.7	3.9%	1.6%
Nhà cung cấp thiết bị	183	8.0	0.8	11.3%	4.9%
Chất thải & Môi trường	117	2.0	0.6	39.3%	19.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,108	23.5	1.6	16.3%	8.5%
Lốp xe	7,063	8.8	2.4	30.2%	13.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,550	7.9	1.2	15.8%	9.6%
Vang & Rượu mạnh	232	10.7	1.7	17.6%	12.6%
Đồ uống & giải khát	256	7.0	1.3	15.2%	10.1%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,567	13.3	1.2	11.9%	5.7%
Thực phẩm	211,278	23.6	5.5	24.3%	18.2%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	54	105.6	0.7	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,392	9.1	1.1	12.8%	5.7%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	159	4.0	1.4	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,125	8.2	1.6	19.4%	7.4%
Giày dép	6	1.9	0.2	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	5,154	10.4	1.8	17.5%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	748	5.9	1.1	-1.8%	3.5%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,028	23.7	1.1	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	132	3.5	1.6	31.7%	12.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	164	10.5	1.0	10.0%	6.6%
Dược phẩm	16,052	12.9	3.3	26.5%	17.1%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	312	42.3	1.0	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	678	19.0	1.1	12.1%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,713	10.2	1.7	19.3%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,089	8.4	1.0	14.0%	9.1%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	117	8.6	2.6	35.0%	15.7%
Khách sạn	6,750	36.9	2.8	7.7%	3.5%
Dịch vụ giải trí	2,017	19.0	1.6	13.7%	12.0%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,259	21.1	2.4	17.2%	14.9%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	55	12.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	620	20.4	0.8	3.6%	1.3%
Internet	296	62.4	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,491	10.8	2.3	23.7%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	361	12.2	0.6	4.6%	1.7%
Thiết bị văn phòng	255	5.2	1.0	20.4%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,487	15.1	0.8	5.2%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	23,186	7.7	1.3	19.1%	9.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	164,972	12.6	4.6	39.9%	25.2%
Nước	1,112	5.9	1.1	18.5%	13.3%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,307	10.8	0.9	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,771	11.8	0.7	6.4%	3.3%
Tái bảo hiểm	2,722	9.1	1.1	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	31,506	28.8	2.6	9.0%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,690	34.9	1.1	3.2%	0.9%
Môi giới chứng khoán	23,370	21.8	1.4	7.4%	5.3%
Ngân hàng					
Ngân hàng	261,235	11.7	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	147,461	15.2	2.7	26.1%	6.3%
Tur Vốn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	124.0	0.4	0.3%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,750	9.4	1.9	21.3%	8.2%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.